

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 14
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	15
Báo cáo kiểm toán độc lập	16 - 17
Báo cáo thu nhập	18
Báo cáo tình hình tài chính	19 - 20
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	21
Báo cáo danh mục đầu tư	22 - 23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	24 - 25
Thuyết minh báo cáo tài chính	26 - 68

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 VNĐ, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 165.709.499.800 VNĐ, tương đương với 16.570.949,98 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ" hoặc "VCBF").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 28 tháng 1 năm 2026 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 19 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 3 năm 2017
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Ngày 21 tháng 11 năm 2023

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Ngày 17 tháng 4 năm 2024

Bà Phạm Thanh Huyền - Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được bà Nguyễn Thị Hằng Nga - Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền ký báo cáo này theo Giấy Ủy quyền số 12225/UQ-VCBF ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quý.

3008
CÔ
RNS
VI
NH P

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 15,82% và 21,93% so với ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định (kể cả tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát)	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Đối với danh mục tài sản có thu nhập cố định đầu tư tại Việt Nam, Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư nếu được niêm yết hoặc được phát hành bởi các công ty niêm yết có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín và thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật.

Đối với danh mục cổ phiếu đầu tư tại Việt Nam, Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) có giá trị vốn hóa thị trường lớn và vừa. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn và vừa là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn hoặc bằng vốn hóa thị trường của cổ phiếu có vốn hóa nhỏ nhất trong rổ chỉ số VN100 của HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 637.268.332.486 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 16.570.949,98 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình gián đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters hoặc Bloomberg tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)
Danh mục chứng khoán	75,88	83,53	96,28
Tài sản khác	24,12	16,47	3,72
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	637.268.332.486	381.218.797.821	221.145.924.718
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	16.570.949,98	11.480.672,49	8.008.161,29
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	38.456,95	33.205,26	27.615,06
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	38.943,67	33.244,41	28.698,29
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	29.331,63	27.615,68	23.604,47
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (b)	15,82	20,24	16,94
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (Thay đổi do biến động giá) (b)	14,12	18,20	14,31
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	1,70	2,04	2,63
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	-	-	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,84	1,96	2,12
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	27,05	19,83	11,87

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn / 1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)</i>	<i>Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)</i>
1 năm (từ 1/1/2025 đến 31/12/2025)	15,82	21,93
3 năm (từ 1/1/2023 đến 31/12/2025)	62,85	41,79
3 năm (bình quân năm)	17,65	12,34
Từ khi thành lập	284,57	165,20
Từ khi thành lập (bình quân năm)	11,85	8,45

4. Tăng trưởng hàng năm

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2025 (%)</i>	<i>Năm 2024 (%)</i>	<i>Năm 2023 (%)</i>
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	15,82	20,24	16,94

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP năm 2025 tăng tốc và vượt mục tiêu đề ra, đạt 8,02% so với cùng kỳ (Quý 4 đạt 8,46%), cao hơn đáng kể mức bình quân 5 năm trước đại dịch (6,76%), phản ánh đà phục hồi đồng bộ của cả khu vực sản xuất và dịch vụ:

- ▶ Khu vực Công nghiệp & Xây dựng tăng 9,0% so với cùng kỳ (2024: 8,2%), tiếp tục là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,0%, duy trì vai trò dẫn dắt dù vẫn thấp hơn mức tăng trưởng bình quân 12,2% của giai đoạn trước Covid. Ngành xây dựng tăng mạnh 9,6%, mức cao nhất kể từ năm 2016, nhờ đẩy mạnh đầu tư công, trong khi ngành Khai khoáng phục hồi nhẹ 0,4% sau 2 năm suy giảm liên tiếp.
- ▶ Khu vực Dịch vụ tăng 8,6%, cao hơn mức bình quân 7,0% của giai đoạn trước đại dịch và tiệm cận tốc độ tăng trưởng trước Covid.
- ▶ Khu vực Nông, Lâm nghiệp & Thủy sản tăng 3,8%, cao hơn các mức trung bình trước đây và gần tương đương năm 2023, bất chấp tác động bất lợi của thời tiết trong Quý 4.
- ▶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 9,2% theo giá danh nghĩa và 6,7% theo giá thực, cho thấy tiêu dùng nội địa duy trì ổn định.
- ▶ Chỉ số PMI duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong nửa cuối năm (bình quân 52,4 điểm), cải thiện rõ rệt so với mức 48,8 điểm trong nửa đầu năm, phản ánh sự phục hồi của đơn hàng mới và hoạt động sản xuất.
- ▶ Xuất khẩu tăng 17,0% so với cùng kỳ, bất chấp những lo ngại đầu năm về rủi ro thuế quan từ Mỹ. Nhóm điện tử (+48,4%) và máy móc (+13,2%) tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng. Thặng dư thương mại hàng hóa đạt 20,0 tỷ USD, dù giảm so với mức cao của năm trước nhưng vẫn vượt xa bình quân 5–10 năm.
- ▶ FDI giải ngân đạt kỷ lục mới 27,6 tỷ USD (+9,0% YoY), trong đó lĩnh vực chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng chủ đạo, củng cố triển vọng trung hạn của khu vực sản xuất.
- ▶ Lạm phát ở mức 3,5%, duy trì dưới trần mục tiêu 4,5–5,0% của Chính phủ, song áp lực lạm phát vẫn hiện diện nếu so với mức lạm phát 2,9% năm 2024 trong bối cảnh tín dụng tăng mạnh 17,7% cho cả năm.

Về tỷ giá, áp lực mất giá của VNĐ giảm dần trong Quý 4 sau khi Fed hạ lãi suất ba lần trong năm. VNĐ tăng nhẹ 0,26% theo quý và thu hẹp mức mất giá còn 3,2% so với cùng kỳ, trong khi chỉ số DXY giảm 9,4%. Cán cân vốn tiếp tục được hỗ trợ nhờ thặng dư thương mại và dòng vốn FDI mạnh, tiếp tục đóng vai trò đệm ổn định thị trường ngoại hối.

2. Thị trường trái phiếu

Tính đến cuối năm 2025, Kho bạc Nhà nước đã gọi thầu thành công 371,5 nghìn tỷ đồng Trái phiếu Chính phủ, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 74% kế hoạch phát hành năm. Tỷ lệ dự thầu trên khối lượng chào bán giảm xuống mức 0,9 lần trong năm 2025 so với mức 1,2 lần của năm 2024, phản ánh nhu cầu của nhà đầu tư sụt giảm trong bối cảnh thanh khoản thắt chặt lại do sự tăng tốc của tín dụng. Kỳ hạn 10 năm chiếm ưu thế trong hoạt động thị trường năm 2025, chiếm 84% tổng khối lượng dự thầu và 85% tổng khối lượng phát hành. Tính cho cả năm, lợi suất Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm tăng 123 điểm phần trăm trên thị trường sơ cấp và 107 điểm phần trăm trên thị trường thứ cấp, qua đó thu hẹp khoảng cách giữa hai thị trường xuống còn 4 điểm phần trăm vào cuối năm 2025 so với mức 20 điểm phần trăm cuối năm 2024. Đối với kỳ hạn 5 năm, đã tăng lợi suất đã chậm lại trong quý 4 (+17-20 điểm phần trăm) và kết thúc năm 2025 với mức tăng tổng cộng 114 điểm phần trăm trên thị trường sơ cấp và 96 điểm phần trăm trên thị trường thứ cấp.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu (tiếp theo)

Đối với hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp, tổng khối lượng phát hành trong cả năm 2025 tăng 37,0% so với cùng kỳ năm trước lên mức 641,4 nghìn tỷ đồng. Hoạt động này vẫn được dẫn dắt bởi hình thức phát hành riêng lẻ với mức tăng 29,6%, chiếm 87,4% tổng khối lượng phát hành. Phát hành ra công chúng tăng mạnh 52,4%, nâng tỷ trọng lên mức 12,6% tổng khối lượng phát hành (tăng từ mức 7,6% trong năm 2024). Khối lượng phát hành từ các doanh nghiệp bất động sản tăng mạnh 57,7% so với cùng kỳ, chiếm 23% tổng khối lượng phát hành. Trong khi đó, các ngân hàng tiếp tục là tổ chức phát hành lớn nhất với 426,4 nghìn tỷ đồng trái phiếu được phát hành, tương đương 66% toàn thị trường. Trong cơ cấu phát hành của ngân hàng, 27% có kỳ hạn 1–3 năm, 37% có kỳ hạn 3–5 năm và 36% có kỳ hạn trên 5 năm. Lợi suất trái phiếu ngân hàng tăng ở hầu hết các kỳ hạn, ngoại trừ các kỳ hạn trên 7 năm vốn duy trì trạng thái ổn định. Lợi suất trung bình của kỳ hạn 3–5 năm tăng mạnh nhất (+37 điểm phần trăm), tiếp sau là kỳ hạn 1–3 năm (+26 điểm phần trăm) và kỳ hạn 5–7 năm (+22 điểm phần trăm). Lợi suất trung bình của trái phiếu bất động sản giảm xuống còn 10,1% trong năm 2025 với kỳ hạn bình quân là 3,3 năm, so với mức lần lượt 11,3% và 3,5 năm của năm 2024.

3. Thị trường cổ phiếu

Thị trường cổ phiếu khép lại năm 2025 với cột mốc lịch sử tại 1.784,5 điểm, tương ứng mức tăng trưởng 40,9%. Hiệu suất này vượt xa các thị trường trong khu vực như Indonesia (JCI, +22,1%), Malaysia (FBMEMAS, -1,8%), Philippines (PCOMP, -7,3%) và Thái Lan (SET, -10,0%).

Mặc dù thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức tích cực — với giá trị giao dịch bình quân ngày tăng 35,2% YoY, đạt 1,1 tỷ USD — tâm lý nhà đầu tư vẫn chịu áp lực bởi làn sóng rút vốn liên tục của khối ngoại. Tổng giá trị bán ròng của khối ngoại trong năm 2025 lên đến 5,1 tỷ USD, tăng mạnh so với con số 3,7 tỷ USD ghi nhận vào năm 2024.

Xét theo quy mô vốn hóa, một sự phân hóa sắc nét đã hình thành giữa các nhóm cổ phiếu: nhóm vốn hóa lớn (VN30, +51,0%) vượt trội hoàn toàn so với nhóm vốn hóa trung bình (VN70, +16,6%) và vốn hóa nhỏ (VN50, +1,7%). Trên thực tế, dù VN-Index và VN30 mang lại tỷ suất sinh lời ấn tượng, mức độ phân hóa vẫn duy trì ở mức cao khi có tới hơn 42% mã cổ phiếu thuộc VN-Index kết thúc năm với mức lợi nhuận âm. Đáng chú ý, đã tăng của thị trường mang tính tập trung rất cao: riêng nhóm cổ phiếu họ Vingroup đã đóng góp hơn 400 điểm vào tổng mức tăng khoảng 517 điểm của chỉ số, cho thấy ảnh hưởng quá lớn của một tập đoàn duy nhất. Ngoài nhóm này, đà tăng cũng mang tính chọn lọc, ưu tiên các mã vốn hóa lớn và có câu chuyện riêng như VJC, HDB, GEE và GEX. Xu hướng này phản ánh một thị trường được dẫn dắt bởi nhóm vốn hóa lớn và các chủ đề xoay quanh chính sách, thay vì được dẫn dắt bởi sự phục hồi lợi nhuận doanh nghiệp trên diện rộng hay sự tái định giá.

Trong năm 2025, có 9 trên 11 nhóm ngành theo phân loại GICS ghi nhận tăng trưởng. Tuy nhiên, chỉ có hai nhóm ngành đạt mức sinh lời vượt qua con số 40,9% của VN-Index. Ngành bất động sản dẫn đầu thị trường với mức tăng 228,3%, nhờ đà bứt phá kỷ lục của VIC (+736,5%), VHM (+210,0%) và VRE (+96,2%). Ngành Công nghiệp tăng 42,7%, đóng góp đáng kể từ GEE (+799,8%), GEX (+147,9%) và VJC (+109,0%). Ngành Tài chính đạt mức tăng 24,2%, dù thấp hơn chỉ số chung nhưng vẫn là mức tăng trưởng cao, nhờ triển vọng kinh tế cải thiện và nhu cầu tín dụng hồi phục từ thị trường bất động sản. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin (-24,1%) và ngành Dịch vụ viễn thông (-13,4%) là những nhóm ngành kém khả quan nhất. Ngành Công nghệ thông tin chịu áp lực lớn từ FPT (-26,4%) khi mã này bước vào nhịp điều chỉnh sau đợt tăng mạnh 85,0% trong năm trước, phản ánh lo ngại của nhà đầu tư về sự sụt giảm trong chi tiêu CNTT toàn cầu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	1,70	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	14,12	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	15,82	11,85
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	637.268.332.486	381.218.797.821	67,17
Giá trị tài sản ròng (NAV)/ 1 đơn vị quỹ	38.456,95	33.205,26	15,82

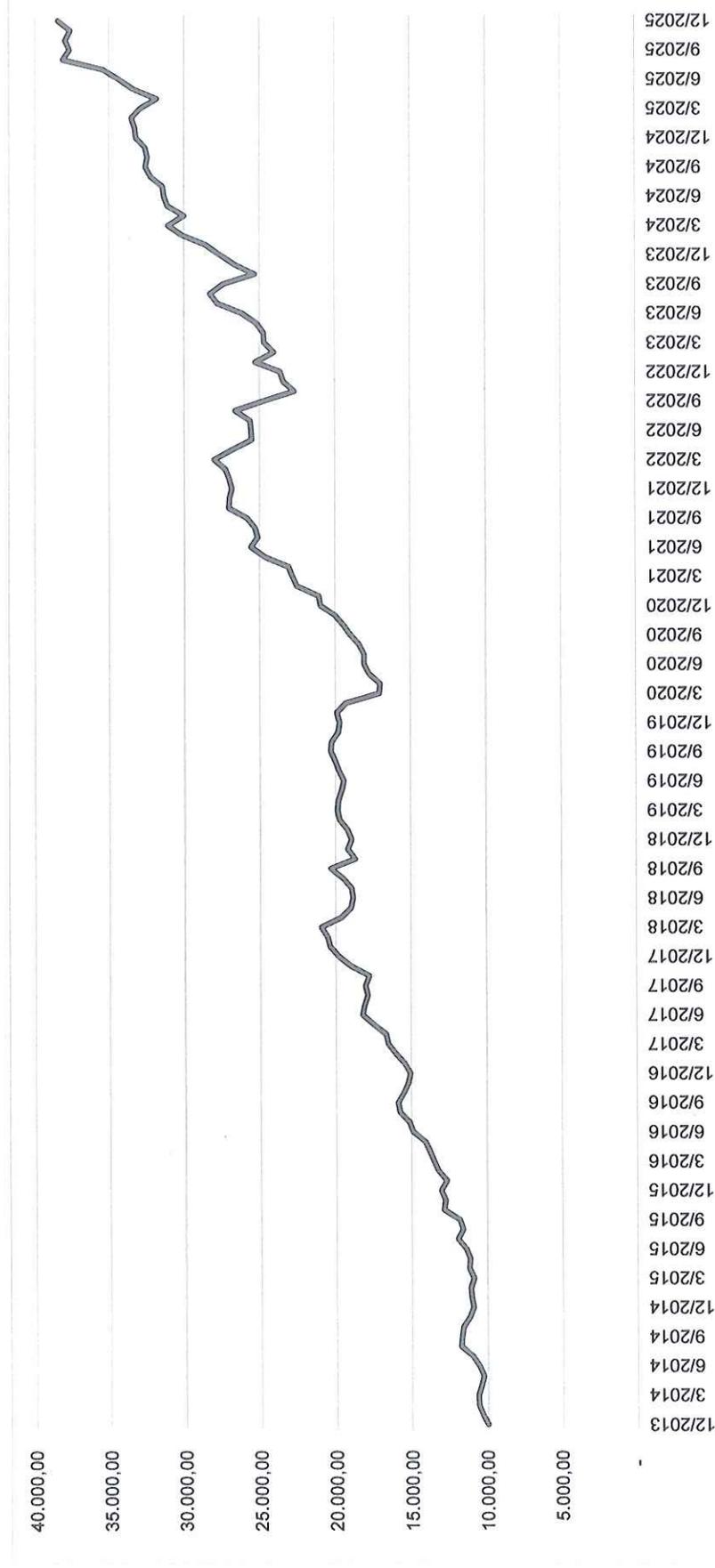
**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	11.637	5.019.076,10	30,28
Từ 5.000 đến 10.000	280	1.930.271,34	11,65
Từ 10.000 đến 50.000	193	3.663.935,72	22,11
Từ 50.000 đến 500.000	22	2.123.638,94	12,82
Trên 500.000	2	3.834.027,88	23,14
Tổng cộng	12.134	16.570.949,98	100,00

3. Chi phí ngảm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường Cổ phiếu

Chúng tôi duy trì triển vọng tích cực đối với kinh tế Việt Nam. Các động lực tăng trưởng chính vẫn được duy trì. Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy mạnh giải ngân đầu tư công đặc biệt trong bối cảnh nợ công mới chỉ ở mức 34,7% GDP¹. Trong giai đoạn 5 năm tới (2026–2030), tổng vốn đầu tư phát triển dự kiến đạt khoảng 8,5 triệu tỷ đồng, cao hơn đáng kể so với mức giải ngân ước tính khoảng 3,4 triệu tỷ đồng trong giai đoạn 2021–2025². Đầu tư hạ tầng sẽ thúc đẩy sự phát triển của nhiều khu vực kinh tế - xã hội, trong đó có du lịch – ngành vốn đang phát triển mạnh mẽ. Ngành du lịch Việt Nam đã đón 21,1 triệu lượt khách quốc tế trong năm, tăng 20,4% so với cùng kỳ và đạt kế hoạch thu hút 25 triệu lượt khách quốc tế vào năm 2026³. Cơ sở hạ tầng phát triển và môi trường chính trị ổn định sẽ tiếp tục thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Chúng tôi kỳ vọng tiêu dùng nội địa sẽ phục hồi rõ rệt hơn từ năm 2026. Các chính sách tài khóa hỗ trợ tăng trưởng - bao gồm giảm 2% thuế VAT đến hết năm 2026 và nâng mức giảm trừ gia cảnh - sẽ củng cố sức mua của người dân. Lãi suất đã nhích lên từ mức thấp nhất trong nhiều năm do nhu cầu tín dụng gia tăng, song được dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức hỗ trợ tăng trưởng khi lạm phát được kiểm soát và áp lực tỷ giá đã suy giảm sau khi Fed hạ lãi suất vào cuối năm 2025. Hơn nữa, chủ trương hạn chế tín dụng vào lĩnh vực bất động sản của chính phủ sẽ chuyển hướng dòng vốn sang các ngành khác bao gồm sản xuất và tiêu dùng và do đó lãi suất cho vay ở các ngành này sẽ trở nên cạnh tranh hơn.

Điều quan trọng hơn, cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc phát triển hạ tầng, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân, cải thiện hiệu quả khu vực hành chính công và thu hút vốn vào các ngành công nghệ cao sẽ tạo nền tảng vững chắc cho kinh tế tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), việc tăng đầu tư công lên 11,5% GDP trong giai đoạn 2025-2030, kết hợp với thực hiện hiệu quả các nỗ lực cải cách, có thể nâng tốc độ tăng trưởng GDP trong trung hạn của Việt Nam lên hơn 2 điểm phần trăm so với kịch bản cơ sở vào năm 2030⁴.

¹ vnexpress.vn, 24.04.2025: Nợ công 2024 gần 4,3 triệu tỷ đồng

² baochinhpheu.vn, 20.10.2025: Chính phủ dự kiến 8,5 triệu tỷ đồng cho đầu tư phát triển và 10,6 triệu tỷ đồng cho chi thường xuyên

³ vietnam.vnanet.vn, 26.01.2026: Quảng bá thương hiệu du lịch Việt Nam để đón được 25 triệu lượt khách quốc tế năm 2026

⁴ IMF Country Report No. 25/283 on Vietnam, tháng 10 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

1. Thị trường Cổ phiếu (tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý rằng căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt liên quan đến Mỹ, Israel và Iran, có thể tạo ra rủi ro đối với triển vọng kinh tế vĩ mô toàn cầu. Bất kỳ sự leo thang nào làm gián đoạn các tuyến cung ứng năng lượng đều có thể đẩy giá dầu, khí và các sản phẩm lọc dầu tăng cao, từ đó gây áp lực lạm phát trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, kinh nghiệm trong quá khứ cho thấy các đợt tăng giá năng lượng do xung đột địa chính trị thường sẽ quay về trạng thái bình thường khi căng thẳng hạ nhiệt và điều kiện cung ứng được ổn định trở lại. Do vậy, mặc dù xung đột có thể khiến lạm phát và thị trường tài chính biến động trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng tác động này mang tính tạm thời hơn là mang tính cấu trúc.

Tổng thể, triển vọng tăng trưởng trong dài hạn của Việt Nam là tích cực cho thị trường cổ phiếu. Chỉ số VN-Index tăng mạnh 40,9% trong năm 2025 và đang giao dịch ở mức 15,9 lần lợi nhuận 12 tháng gần nhất, cao hơn mức bình quân trung vị 10 năm là 14,5 lần⁵. Tuy nhiên, gần 35% của mức tăng của VN-Index đến từ cổ phiếu VIC của Tập đoàn Vingroup. Nếu loại trừ cổ phiếu VIC, định giá P/E của VN-Index sẽ hấp dẫn hơn, ước tính ở mức 12,9 lần vào cuối năm 2025⁶. Hơn nữa, định giá thị trường dựa trên lợi nhuận tương lai sẽ trở nên hấp dẫn hơn vì các chính sách hỗ trợ tăng trưởng sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng kinh doanh và tăng trưởng lợi nhuận.

2. Thị trường Trái phiếu

Sang năm 2026, lợi suất trái phiếu Chính Phủ được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng, được thúc đẩy bởi hai yếu tố chính. Thứ nhất, áp lực tỷ giá vẫn đáng kể trong bối cảnh leo thang căng thẳng địa chính trị làm tăng nhu cầu vàng và tình trạng găm giữ ngoại tệ, từ đó duy trì áp lực lên môi trường lãi suất chung. Thứ hai, đầu tư công đang được mở rộng mạnh mẽ nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP cao của Chính phủ trong bối cảnh bất ổn thương mại toàn cầu. Quốc hội đã phê duyệt tổng chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển là 1,12 triệu tỷ đồng, cao hơn 40% so với kế hoạch năm 2025.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động phát hành riêng lẻ của các ngân hàng dự kiến sẽ tiếp tục sôi động trong năm 2026. Mặc dù NHNN đã đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng ban đầu là 15% cho năm nay, nhưng mức tăng trưởng tín dụng thực tế có khả năng sẽ được điều chỉnh tăng để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số của Chính phủ, từ đó làm gia tăng nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng thương mại. Đối với các tổ chức phát hành phi ngân hàng, thị trường phát hành ra công chúng dự kiến sẽ đối mặt với các quy định chặt chẽ hơn. Nghị định 245/2025/TT-BTC, có hiệu lực từ tháng 9 năm 2025, yêu cầu tất cả các tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải có xếp hạng tín nhiệm độc lập, trừ khi trái phiếu của họ được bảo lãnh thanh toán đầy đủ bởi các tổ chức đủ điều kiện. Ngoài ra, trái phiếu phát hành riêng lẻ phân phối cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp cá nhân cũng phải có xếp hạng tín nhiệm và được đảm bảo bằng tài sản hoặc bảo lãnh thanh toán đầy đủ từ bên thứ ba. Nhìn chung, lợi suất trái phiếu doanh nghiệp dự kiến sẽ có xu hướng tăng cao hơn, phù hợp với môi trường lãi suất đang gia tăng trên diện rộng.

⁵ FTSE Workspace, 31.12.2025

⁶ FiinPro, 31.12.2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện quỹ và Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026





BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (“Quỹ” hoặc “VCBF-TBF”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11717125/E-69099028

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 18 đến trang 68, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

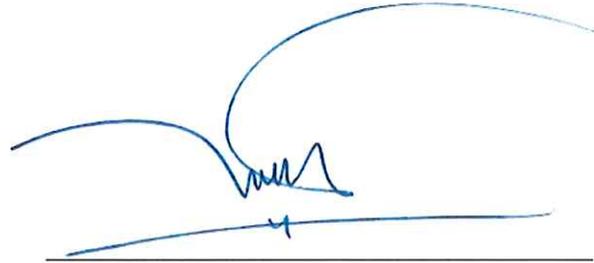
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiên Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

008
CÔ
T
ERNST
VIỆ
NH PH

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
01	I. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		79.877.511.872	58.520.682.806
02	1.1 Cổ tức được chia		6.066.639.893	3.659.093.337
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	10.288.543.559	7.990.828.626
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	15	16.703.275.917	8.696.205.579
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	46.819.052.503	38.174.555.264
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		214.023.395	105.255.655
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	16	214.023.395	105.255.655
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		8.559.886.333	5.968.518.760
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	24.1	7.147.487.477	4.652.324.563
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	17	211.412.903	173.508.205
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	24.2	226.613.611	211.200.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	24.2	448.800.000	448.800.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		134.200.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		108.115.939	76.641.964
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		149.040.000	142.560.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	134.216.403	131.484.028
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		71.103.602.144	52.446.908.391
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		71.103.602.144	52.446.908.391
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		24.284.549.641	14.272.353.127
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	46.819.052.503	38.174.555.264
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		71.103.602.144	52.446.908.391

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:
Bà Nguyễn Mai Hoa
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và
Danh mục

Người duyệt:
Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng



Người duyệt:
Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	91.402.282.864	60.186.025.243
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		56.513.704.884	41.030.724.838
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		34.888.577.980	19.155.300.405
120	2. Các khoản đầu tư thuần		546.717.847.375	320.936.715.724
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	546.717.847.375	320.936.715.724
130	3. Các khoản phải thu		3.307.864.845	3.104.394.661
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		3.307.864.845	3.104.394.661
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	3.307.864.845	3.104.394.661
100	TỔNG TÀI SẢN		641.427.995.084	384.227.135.628
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		896.403.210	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	306.327.562	185.329.258
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		30.401.583	22.021.463
316	4. Chi phí phải trả	8	101.520.000	27.000.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ	9	1.398.948.968	1.260.859.118
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	10	545.305.602	957.939.716
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	880.755.673	555.188.252
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		4.159.662.598	3.008.337.807
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NÂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		637.268.332.486	381.218.797.821
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		165.709.499.800	114.806.724.900
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	452.920.804.600	367.833.969.900
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(287.211.304.800)	(253.027.245.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		200.168.558.202	66.125.400.581
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	271.390.274.484	200.286.672.340
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ	12	38.456,95	33.205,26

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm Chứng chỉ quỹ	Số đầu năm Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	16.570.949,98	11.480.672,49

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:
Bà Nguyễn Mai Hoa
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và
Danh mục



Người duyệt:
Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng



Người duyệt:
Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	381.218.797.821	221.145.924.718
II	Thay đổi NAV so với năm trước	71.103.602.144	52.446.908.391
II.1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	71.103.602.144	52.446.908.391
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	184.945.932.521	107.625.964.712
III.1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	304.728.697.010	161.001.175.153
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(119.782.764.489)	(53.375.210.441)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	637.268.332.486	381.218.797.821

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:
 Bà Nguyễn Mai Hoa
 Phó phòng Dịch vụ Quỹ và
 Danh mục

Người duyệt:
 Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng



Người duyệt:
 Bà Phạm Thanh Huyền
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
I	Cổ phiếu	8.720.258		373.192.200.650	58,18
1	ACB	614.852	24.000	14.756.448.000	2,30
2	ACV	67.148	48.900	3.283.537.200	0,50
3	BID	192.767	38.900	7.498.636.300	1,17
4	BVH	203.490	56.800	11.558.232.000	1,80
5	BWE	261.266	47.400	12.384.008.400	1,93
6	CTD	100.800	76.000	7.660.800.000	1,19
7	CTG	630.394	35.750	22.536.585.500	3,51
8	CTR	84.500	85.300	7.207.850.000	1,12
9	DGW	145.000	39.000	5.655.000.000	0,88
10	DPR	138.000	38.000	5.244.000.000	0,82
11	FPT	240.489	95.800	23.038.846.200	3,59
12	GMD	108.100	61.000	6.594.100.000	1,03
13	HCM	374.220	22.400	8.382.528.000	1,31
14	HPG	719.080	26.400	18.983.712.000	2,96
15	IDC	143.750	36.400	5.232.500.000	0,82
16	MBB	1.170.586	25.300	29.615.825.800	4,62
17	MSN	196.000	77.000	15.092.000.000	2,35
18	MWG	266.480	88.400	23.556.832.000	3,67
19	NCT	25.400	89.700	2.278.380.000	0,36
20	NLG	299.509	30.450	9.120.049.050	1,42
21	PNJ	184.838	97.000	17.929.286.000	2,80
22	PVS	205.167	34.300	7.037.228.100	1,10
23	QNS	112.300	47.000	5.278.100.000	0,82
24	REE	46.000	61.000	2.806.000.000	0,44
25	SAB	54.800	49.000	2.685.200.000	0,42
26	STB	488.400	58.000	28.327.200.000	4,42
27	TCB	439.000	34.900	15.321.100.000	2,39
28	TLG	154.200	49.700	7.663.740.000	1,19
29	VHM	87.816	124.000	10.889.184.000	1,70
30	VIB	411.158	17.750	7.298.054.500	1,14
31	VIC	50.000	169.600	8.480.000.000	1,32
32	VNM	147.948	61.200	9.054.417.600	1,41
33	VPB	252.700	28.650	7.239.855.000	1,13
34	VRE	104.100	33.650	3.502.965.000	0,55



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
II	Trái phiếu				
1	Trái phiếu niêm yết	736.000		73.042.699.400	11,39
1.1	DSE125018	100.000	100.036,950	10.003.695.000	1,56
1.2	MML121021	230.000	100.747,863	23.172.008.490	3,61
1.3	MSN123008	220.000	96.999,589	21.339.909.580	3,33
1.4	TNG122017	36.000	100.526,080	3.618.938.880	0,56
1.5	TNG124027	80.000	99.910,685	7.992.854.800	1,25
1.6	VHM121025	70.000	98.789,895	6.915.292.650	1,08
2	Trái phiếu chưa niêm yết	410		40.475.862.930	6,31
2.1	BCM12406	180	98.531.398,000	17.735.651.640	2,77
2.2	HDC12502	50	98.778.759,000	4.938.937.950	0,76
2.3	NLG12501	180	98.895.963,000	17.801.273.340	2,78
III	Các tài sản khác			3.307.864.845	0,51
1	Dự thu lãi trái phiếu			2.709.230.821	0,42
2	Dự thu lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi			598.634.024	0,09
IV	Tiền			151.409.367.259	23,61
1	Tiền gửi ngân hàng			91.402.282.864	14,25
	Trong đó:				
1.1	- Tiền gửi thanh toán			56.513.704.884	8,81
1.2	- Các khoản tương đương tiền			34.888.577.980	5,44
2	Chứng chỉ tiền gửi			60.007.084.395	9,36
V	Tổng giá trị danh mục			641.427.995.084	100,00

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:
Bà Nguyễn Mai Hoa
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và
Danh mục

Người duyệt:
Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng



Người duyệt:
Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		71.103.602.144	52.446.908.391
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(46.744.532.503)	(38.245.835.264)
	Trong đó:			
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(46.819.052.503)	(38.174.555.264)
04	Chi phí trích trước		74.520.000	(71.280.000)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		24.359.069.641	14.201.073.127
20	Tăng các khoản đầu tư		(178.962.079.148)	(68.841.384.671)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(203.470.184)	(1.445.797.661)
10	Tăng phải trả cho người bán		896.403.210	-
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		120.998.304	185.329.258
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		8.380.120	22.021.463
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ		138.089.850	770.605.055
15	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		(412.634.114)	833.445.225
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		-	27.000.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		325.567.421	201.503.376
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(153.729.674.900)	(54.046.204.828)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	304.728.697.010	161.001.175.153
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(119.782.764.489)	(53.375.210.441)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		184.945.932.521	107.625.964.712
40	III. TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		31.216.257.621	53.579.759.884

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	60.186.025.243	6.606.265.359
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		60.186.025.243	6.606.265.359
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		56.819.202.805	5.991.516.805
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		37.663.902.400	1.977.379.819
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		19.155.300.405	4.014.136.986
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ		3.366.822.438	614.748.554
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	91.402.282.864	60.186.025.243
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		91.402.282.864	60.186.025.243
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		89.859.587.006	56.819.202.805
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		54.971.009.026	37.663.902.400
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		34.888.577.980	19.155.300.405
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ		1.542.695.858	3.366.822.438
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		31.216.257.621	53.579.759.884

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:
 Bà Nguyễn Mai Hoa
 Phó phòng Dịch vụ Quỹ và
 Danh mục



Người duyệt:
 Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng



Người duyệt:
 Bà Phạm Thanh Huyền
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 28 tháng 1 năm 2026 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 VNĐ, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 165.709.499.800 VNĐ, tương đương với 16.570.949,98 chứng chỉ quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản có thu nhập cố định khác. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn và quy định của pháp luật. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có chất lượng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín và thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và vừa trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn và vừa là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn hoặc bằng vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa nhỏ nhất trong rổ chỉ số VN100 của HSX.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”)

Từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2025, NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Từ tháng 12 năm 2025, NAV của Quỹ phải được xác định vào tất cả các Ngày Giao Dịch và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2025, tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

Từ tháng 12 năm 2025, tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu trong tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ Bảy và/hoặc Chủ nhật.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn mức đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn mức đầu tư (tiếp theo)

- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - TBF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn mức đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
- d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư 136 có hiệu lực từ ngày 12 tháng 2 năm 2026.

Công ty Quản lý quỹ đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 136 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 136 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ (tiếp theo)		
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường (được chi tiết trong sổ tay định giá), là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, sử dụng một trong các phương pháp định giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</p>
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá;
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – Giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền} Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua/Số lượng quyền mua sở hữu
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), ưu tiên thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá; + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trong trường hợp không xác định được giá NAV, mức giá được xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/lỗ từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu mua lại chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quý lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quý lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quý xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối năm.

Quý mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quý được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quý mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm.

Mức trích lập dự phòng được thực hiện như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quý, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng

Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và giá dịch vụ lập báo cáo tài chính. Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ không được vượt quá hạn mức theo quy định của pháp luật.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hàng năm cho Quỹ tối đa là 1,5% (một phẩy năm phần trăm) một năm trên NAV. Giá dịch vụ quản lý được tính và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (Ba mươi một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 42.000.000 VNĐ (Bốn mươi hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (Ba mươi một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 VNĐ (Mười triệu đồng) một tháng đối với trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần và 12.000.000 VNĐ (Mười hai triệu đồng) một tháng đối với trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán định kỳ theo thỏa thuận với Đại Lý Chuyển Nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

(iv) Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 VNĐ (Ba mươi sáu triệu đồng) một năm, tương đương với 3.000.000 VNĐ (Ba triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.2 Giá dịch vụ giám sát

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (Mười sáu triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, giá Dịch Vụ Ngân hàng Giám sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VNĐ (Mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (Mười sáu triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá Dịch Vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

3.9.3 Giá dịch vụ lưu ký

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (Mười một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV dưới 1.000 tỷ đồng/năm và 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV từ 1.000 tỷ đồng/năm trở lên, với mức tối thiểu là 12.000.000 VNĐ (Mười hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (Mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, thuế giá trị gia tăng (nếu có).

3.9.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài Chính ban hành ("Thông tư 25").

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, không bao gồm các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quý xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quý bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quý sử dụng phương pháp và các giả định như tại *Thuyết minh 23* để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	54.971.009.026	37.663.902.400
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	34.888.577.980	19.155.300.405
Tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	1.542.695.858	3.366.822.438
	91.402.282.864	60.186.025.243

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VNĐ
	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	Chênh lệch tăng thuần VNĐ	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Cổ phiếu niêm yết	253.730.327.469	125.450.629.108	(5.988.755.927)	119.461.873.181	373.192.200.650
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	73.983.239.206	15.094.263	(955.634.069)	(940.539.806)	73.042.699.400
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	40.989.972.623	-	(514.109.693)	(514.109.693)	40.475.862.930
Chứng chỉ tiền gửi	60.007.084.395	-	-	-	60.007.084.395
	428.710.623.693	125.465.723.371	(7.458.499.689)	118.007.223.682	546.717.847.375
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Cổ phiếu niêm yết	165.699.334.324	83.756.623.720	(12.486.695.044)	71.269.928.676	236.969.263.000
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	66.059.237.598	158.433.795	(217.073.829)	(58.640.034)	66.000.597.564
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	17.989.972.623	-	(23.117.463)	(23.117.463)	17.966.855.160
	249.748.544.545	83.915.057.515	(12.726.886.336)	71.188.171.179	320.936.715.724
				46.819.052.503	

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập

- (a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE, Công ty Cổ phần Masan Meatlife, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành, kỳ hạn từ 2 đến 5 năm, lãi suất từ 8,175%/năm đến 10%/năm, lãi trả 3 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần.
- (b) Trái phiếu do Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex, Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu và Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long phát hành, kỳ hạn 3 năm kể từ ngày phát hành, lãi suất từ 9,8% đến 11%/năm, lãi trả 6 tháng/lần.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	2.709.230.821	2.775.414.383
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	482.301.370	-
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	116.332.654	61.906.278
Dự thu cổ tức	-	267.074.000
	<u>3.307.864.845</u>	<u>3.104.394.661</u>

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	<u>306.327.562</u>	<u>185.329.258</u>

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Phí kiểm toán	74.520.000	-
Thù lao Ban đại diện Quỹ	27.000.000	27.000.000
	<u>101.520.000</u>	<u>27.000.000</u>

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp phát hành chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	787.562.588	474.228.252
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	23.101.835	17.600.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.751.250	11.000.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	3.740.000	3.960.000
	880.755.673	555.188.252

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số đầu năm</i> VNĐ	<i>Phát sinh</i> <i>trong năm</i> VNĐ	<i>Số cuối năm</i> VNĐ
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	36.783.396,99	8.508.683,47	45.292.080,46
Giá trị ghi theo mệnh giá	367.833.969.900	85.086.834.700	452.920.804.600
Thặng dư vốn	340.742.051.655	219.641.862.310	560.383.913.965
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	708.576.021.555	304.728.697.010	1.013.304.718.565
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(25.302.724,50)	(3.418.405,98)	(28.721.130,48)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(253.027.245.000)	(34.184.059.800)	(287.211.304.800)
Thặng dư vốn	(274.616.651.074)	(85.598.704.689)	(360.215.355.763)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(527.643.896.074)	(119.782.764.489)	(647.426.660.563)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	11.480.672,49	5.090.277,49	16.570.949,98
Giá trị vốn góp hiện hành	180.932.125.481	184.945.932.521	365.878.058.002
Lợi nhuận chưa phân phối	200.286.672.340	71.103.602.144	271.390.274.484
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	381.218.797.821		637.268.332.486
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	33.205,26		38.456,95

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện	153.383.050.802	129.098.501.161
Lợi nhuận chưa thực hiện	118.007.223.682	71.188.171.179
	271.390.274.484	200.286.672.340

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Tiền lãi từ trái phiếu	7.600.900.202	7.548.853.311
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	2.166.631.746	424.619.461
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	479.912.329	-
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	41.099.282	17.355.854
	10.288.543.559	7.990.828.626

15. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay</i>		
	<i>Tổng giá trị bán</i> <i>trong năm</i> VNĐ	<i>Giá vốn bình quân</i> <i>gia quyền tính đến</i> <i>cuối ngày giao dịch</i> VNĐ	<i>Lãi/(lỗ) bán</i> <i>chứng khoán</i> <i>trong năm</i> VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	36.731.910.000	19.947.231.855	16.784.678.145
Trái phiếu niêm yết	20.000.000.000	20.081.402.228	(81.402.228)
Chứng chỉ tiền gửi	2.000.000.000	2.000.000.000	-
	58.731.910.000	42.028.634.083	16.703.275.917
	<i>Năm trước</i>		
	<i>Tổng giá trị bán</i> <i>trong năm</i> VNĐ	<i>Giá vốn bình quân</i> <i>gia quyền tính đến</i> <i>cuối ngày giao dịch</i> VNĐ	<i>Lãi/(lỗ) bán</i> <i>chứng khoán</i> <i>trong năm</i> VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	18.128.710.000	9.362.792.055	8.765.917.945
Trái phiếu niêm yết	26.570.000.000	26.639.712.366	(69.712.366)
	44.698.710.000	36.002.504.421	8.696.205.579

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	159.693.288	82.759.125
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	54.267.419	22.448.440
Chi phí giao dịch khác	62.688	48.090
	214.023.395	105.255.655

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, giao dịch của Quỹ thực hiện thông qua các công ty chứng khoán như sau:

STT (1)	Tên công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng Công ty chứng khoán			Tỷ lệ giao dịch bình quân trên thị trường (%) (8)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ (4)	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ(*) VNĐ (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%) (6)=(4)/(5)	
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Không liên quan	37.932.935.000	255.449.052.340	14,85	0,00 – 0,45
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	37.114.405.000	255.449.052.340	14,53	0,00 – 0,45
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	33.383.175.000	255.449.052.340	13,07	0,00 – 0,45
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	30.487.700.000	255.449.052.340	11,93	0,00 – 0,45
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Không liên quan	11.244.900.000	255.449.052.340	4,40	0,00 – 0,45
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán ASAM	Không liên quan	8.099.260.000	255.449.052.340	3,17	0,00 – 0,45
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	Không liên quan	6.273.820.000	255.449.052.340	2,46	0,00 – 0,45
8	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	5.845.225.000	255.449.052.340	2,29	0,00 – 0,45
9	Giao dịch chứng khoán không niêm yết	Không liên quan	85.067.632.340	255.449.052.340	33,30	Không áp dụng
	Tổng		255.449.052.340		100,00	

(*) Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của cổ phiếu, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, trái phiếu phát hành riêng lẻ, chứng chỉ tiền gửi.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	149.393.397	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	39.842.000	25.300.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	22.177.506	16.208.205
	211.412.903	173.508.205

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban		
Chứng khoán Nhà nước	7.500.000	7.500.000
Phí ngân hàng	6.716.403	3.874.028
Chi phí khác	-	110.000
	134.216.403	131.484.028

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối tháng 12/2024	381.218.797.821	11.480.672,49	33.205,26	
Kỳ 1 Tháng 1/2025	381.223.629.828	11.480.672,49	33.205,68	0,42
Kỳ 2 Tháng 1/2025	377.157.720.266	11.511.149,26	32.764,55	(441,13)
Kỳ 3 Tháng 1/2025	380.132.717.312	11.574.708,52	32.841,66	77,11
Kỳ 4 Tháng 1/2025	377.689.031.754	11.577.883,49	32.621,59	(220,07)
Kỳ 5 Tháng 1/2025	378.834.917.267	11.638.203,03	32.550,98	(70,61)
Kỳ 6 Tháng 1/2025	384.330.202.450	11.688.190,89	32.881,92	330,94
Kỳ 7 Tháng 1/2025	386.358.640.749	11.764.040,33	32.842,34	(39,58)
Kỳ 8 Tháng 1/2025	392.365.117.331	11.791.704,95	33.274,67	432,33
Kỳ Cuối Tháng 1/2025	392.371.280.189	11.791.704,95	33.275,19	0,52
Kỳ 1 Tháng 2/2025	388.583.708.004	11.791.704,95	32.953,98	(321,21)
Kỳ 2 Tháng 2/2025	393.600.981.856	11.839.458,10	33.244,84	290,86
Kỳ 3 Tháng 2/2025	393.734.566.898	11.875.317,27	33.155,70	(89,14)
Kỳ 4 Tháng 2/2025	395.920.607.475	11.928.098,35	33.192,26	36,56
Kỳ 5 Tháng 2/2025	394.976.600.972	11.948.151,05	33.057,55	(134,71)
Kỳ 6 Tháng 2/2025	400.947.456.855	12.041.506,70	33.297,11	239,56
Kỳ 7 Tháng 2/2025	407.023.275.584	12.123.313,30	33.573,60	276,49
Kỳ 8 Tháng 2/2025	407.026.313.873	12.131.447,21	33.551,34	(22,26)
Kỳ Cuối Tháng 2/2025	407.041.853.145	12.149.749,59	33.502,07	(49,27)
Kỳ 1 Tháng 3/2025	407.775.928.094	12.149.749,59	33.562,49	60,42
Kỳ 2 Tháng 3/2025	411.378.704.001	12.258.662,42	33.558,20	(4,29)
Kỳ 3 Tháng 3/2025	419.937.592.992	12.383.531,52	33.910,97	352,77
Kỳ 4 Tháng 3/2025	420.334.601.610	12.447.597,19	33.768,33	(142,64)
Kỳ 5 Tháng 3/2025	417.881.159.918	12.493.123,95	33.448,89	(319,44)
Kỳ 6 Tháng 3/2025	415.958.893.935	12.536.475,90	33.179,89	(269,00)
Kỳ 7 Tháng 3/2025	420.670.594.602	12.602.186,23	33.380,76	200,87
Kỳ 8 Tháng 3/2025	421.223.341.241	12.684.091,62	33.208,79	(171,97)
Kỳ Cuối Tháng 3/2025	418.198.716.175	12.700.391,88	32.928,01	(280,78)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2025	413.211.547.766	12.505.370,61	33.042,72	114,71
Kỳ 2 Tháng 4/2025	390.812.593.037	12.535.359,86	31.176,81	(1.865,91)
Kỳ 3 Tháng 4/2025	362.047.430.840	12.343.239,18	29.331,63	(1.845,18)
Kỳ 4 Tháng 4/2025	390.996.079.488	12.306.723,45	31.770,93	2.439,30
Kỳ 5 Tháng 4/2025	386.764.766.580	12.377.293,29	31.247,92	(523,01)
Kỳ 6 Tháng 4/2025	390.521.747.450	12.452.608,77	31.360,63	112,71
Kỳ 7 Tháng 4/2025	394.081.600.967	12.496.725,18	31.534,78	174,15
Kỳ 8 Tháng 4/2025	397.378.394.598	12.501.587,30	31.786,23	251,45
Kỳ Cuối Tháng 4/2025	398.353.446.172	12.523.935,70	31.807,36	21,13
Kỳ 1 Tháng 5/2025	401.326.916.430	12.523.935,70	32.044,79	237,43
Kỳ 2 Tháng 5/2025	402.560.268.581	12.551.898,75	32.071,66	26,87
Kỳ 3 Tháng 5/2025	411.433.370.570	12.595.143,71	32.666,03	594,37
Kỳ 4 Tháng 5/2025	423.875.053.109	12.734.782,75	33.284,82	618,79
Kỳ 5 Tháng 5/2025	419.941.013.594	12.743.785,17	32.952,61	(332,21)
Kỳ 6 Tháng 5/2025	427.209.719.513	12.809.257,12	33.351,63	399,02
Kỳ 7 Tháng 5/2025	428.353.748.133	12.812.933,31	33.431,35	79,72
Kỳ 8 Tháng 5/2025	431.792.961.382	12.853.903,04	33.592,36	161,01
Kỳ Cuối Tháng 5/2025	429.835.912.415	12.868.855,61	33.401,25	(191,11)
Kỳ 1 Tháng 6/2025	429.249.190.974	12.868.855,61	33.355,66	(45,59)
Kỳ 2 Tháng 6/2025	431.338.264.851	12.871.108,18	33.512,13	156,47
Kỳ 3 Tháng 6/2025	426.019.692.871	12.874.576,60	33.089,99	(422,14)
Kỳ 4 Tháng 6/2025	427.947.632.636	12.871.989,60	33.246,42	156,43
Kỳ 5 Tháng 6/2025	435.640.459.235	12.891.642,34	33.792,47	546,05
Kỳ 6 Tháng 6/2025	437.077.354.843	12.908.781,24	33.858,91	66,44
Kỳ 7 Tháng 6/2025	436.354.959.213	12.853.331,79	33.948,78	89,87
Kỳ 8 Tháng 6/2025	438.164.947.350	12.859.988,39	34.071,95	123,17
Kỳ Cuối Tháng 6/2025	442.023.313.972	12.866.125,30	34.355,58	283,63

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 7/2025	445.647.908.028	12.908.392,54	34.523,88	168,30
Kỳ 2 Tháng 7/2025	451.273.469.102	12.965.405,97	34.805,96	282,08
Kỳ 3 Tháng 7/2025	457.203.279.176	13.017.187,67	35.123,04	317,08
Kỳ 4 Tháng 7/2025	465.163.604.529	13.071.598,71	35.585,82	462,78
Kỳ 5 Tháng 7/2025	466.825.846.289	13.111.655,02	35.603,88	18,06
Kỳ 6 Tháng 7/2025	468.520.169.854	13.134.670,54	35.670,49	66,61
Kỳ 7 Tháng 7/2025	473.734.800.518	13.201.864,24	35.883,93	213,44
Kỳ 8 Tháng 7/2025	479.893.495.094	13.226.287,48	36.283,31	399,38
Kỳ 9 Tháng 7/2025	471.423.091.074	13.255.426,12	35.564,53	(718,78)
Kỳ Cuối Tháng 7/2025	469.392.051.494	13.251.493,85	35.421,82	(142,71)
Kỳ 1 Tháng 8/2025	473.934.923.221	13.251.493,85	35.764,64	342,82
Kỳ 2 Tháng 8/2025	487.769.697.805	13.300.061,33	36.674,24	909,60
Kỳ 3 Tháng 8/2025	496.659.600.315	13.391.443,37	37.087,83	413,59
Kỳ 4 Tháng 8/2025	503.946.143.003	13.474.948,60	37.398,74	310,91
Kỳ 5 Tháng 8/2025	506.320.098.518	13.479.283,11	37.562,83	164,09
Kỳ 6 Tháng 8/2025	509.474.499.426	13.524.715,90	37.669,88	107,05
Kỳ 7 Tháng 8/2025	496.710.428.295	13.466.101,95	36.885,98	(783,90)
Kỳ 8 Tháng 8/2025	510.630.274.182	13.460.822,55	37.934,55	1.048,57
Kỳ Cuối Tháng 8/2025	515.261.832.903	13.514.826,01	38.125,67	191,12
Kỳ 1 Tháng 9/2025	516.591.934.653	13.514.826,01	38.224,09	98,42
Kỳ 2 Tháng 9/2025	510.351.422.792	13.608.582,28	37.502,17	(721,92)
Kỳ 3 Tháng 9/2025	517.437.396.861	13.727.140,93	37.694,47	192,30
Kỳ 4 Tháng 9/2025	530.493.774.924	13.835.615,83	38.342,62	648,15
Kỳ 5 Tháng 9/2025	533.375.917.804	13.963.210,61	38.198,65	(143,97)
Kỳ 6 Tháng 9/2025	530.603.181.370	14.122.278,28	37.572,06	(626,59)
Kỳ 7 Tháng 9/2025	542.495.405.029	14.293.872,16	37.953,00	380,94
Kỳ 8 Tháng 9/2025	541.570.370.852	14.341.058,68	37.763,62	(189,38)
Kỳ Cuối Tháng 9/2025	542.911.233.510	14.412.314,93	37.669,95	(93,67)

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 10/2025	545.369.453.715	14.412.314,93	37.840,51	170,56
Kỳ 2 Tháng 10/2025	556.816.645.796	14.557.192,87	38.250,27	409,76
Kỳ 3 Tháng 10/2025	559.679.234.746	14.618.696,67	38.285,16	34,89
Kỳ 4 Tháng 10/2025	572.389.819.360	14.697.889,13	38.943,67	658,51
Kỳ 5 Tháng 10/2025	570.614.233.450	14.777.154,09	38.614,62	(329,05)
Kỳ 6 Tháng 10/2025	549.638.680.227	14.803.076,49	37.130,03	(1.484,59)
Kỳ 7 Tháng 10/2025	573.532.176.332	15.147.483,29	37.863,19	733,16
Kỳ 8 Tháng 10/2025	572.274.070.439	15.221.868,12	37.595,52	(267,67)
Kỳ 9 Tháng 10/2025	585.573.111.433	15.304.731,03	38.260,92	665,40
Kỳ Cuối Tháng 10/2025	583.988.854.781	15.383.067,66	37.963,09	(297,83)
Kỳ 1 Tháng 11/2025	578.722.956.743	15.383.067,66	37.620,77	(342,32)
Kỳ 2 Tháng 11/2025	589.039.751.390	15.541.126,25	37.901,99	281,22
Kỳ 3 Tháng 11/2025	576.226.852.300	15.589.099,91	36.963,44	(938,55)
Kỳ 4 Tháng 11/2025	588.113.764.186	15.620.182,83	37.650,88	687,44
Kỳ 5 Tháng 11/2025	593.166.714.003	15.682.958,20	37.822,37	171,49
Kỳ 6 Tháng 11/2025	594.284.276.395	15.732.295,39	37.774,79	(47,58)
Kỳ 7 Tháng 11/2025	593.779.166.989	15.765.278,37	37.663,72	(111,07)
Kỳ 8 Tháng 11/2025	596.471.929.167	15.838.538,17	37.659,53	(4,19)
Kỳ Cuối Tháng 11/2025	599.937.329.669	15.948.933,00	37.616,14	(43,39)
Kỳ 1 Tháng 12/2025	602.127.444.743	15.976.495,80	37.688,32	72,18
Kỳ 2 Tháng 12/2025	605.466.316.210	16.006.020,97	37.827,40	139,08
Kỳ 3 Tháng 12/2025	613.076.975.067	16.036.243,54	38.230,70	403,30
Kỳ 4 Tháng 12/2025	616.659.862.807	16.068.995,40	38.375,75	145,05
Kỳ 5 Tháng 12/2025	614.692.052.284	16.103.555,24	38.171,20	(204,55)
Kỳ 6 Tháng 12/2025	615.232.765.867	16.122.048,27	38.160,95	(10,25)
Kỳ 7 Tháng 12/2025	613.859.033.312	16.150.987,37	38.007,52	(153,43)
Kỳ 8 Tháng 12/2025	615.932.906.145	16.251.881,83	37.899,17	(108,35)
Kỳ 9 Tháng 12/2025	613.439.095.776	16.256.865,70	37.734,15	(165,02)

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 10 Tháng 12/2025	603.711.075.999	16.273.042,91	37.098,84	(635,31)
Kỳ 11 Tháng 12/2025	605.294.208.977	16.294.918,99	37.146,19	47,35
Kỳ 12 Tháng 12/2025	613.255.494.500	16.320.673,83	37.575,37	429,18
Kỳ 13 Tháng 12/2025	615.386.581.486	16.375.840,00	37.578,93	3,56
Kỳ 14 Tháng 12/2025	615.752.942.766	16.398.091,50	37.550,28	(28,65)
Kỳ 15 Tháng 12/2025	619.276.677.214	16.419.395,70	37.716,16	165,88
Kỳ 16 Tháng 12/2025	626.479.893.722	16.433.563,38	38.121,97	405,81
Kỳ 17 Tháng 12/2025	629.555.615.828	16.441.858,36	38.289,80	167,83
Kỳ 18 Tháng 12/2025	632.867.140.808	16.454.184,78	38.462,38	172,58
Kỳ 19 Tháng 12/2025	627.070.407.612	16.469.506,03	38.074,63	(387,75)
Kỳ 20 Tháng 12/2025	627.113.935.049	16.490.500,08	38.028,80	(45,83)
Kỳ 21 Tháng 12/2025	632.724.268.245	16.491.952,33	38.365,63	336,83
Kỳ 22 Tháng 12/2025	636.667.716.657	16.529.233,15	38.517,68	152,05
Kỳ Cuối Tháng 12/2025	637.268.332.486	16.570.949,98	38.456,95	(60,73)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm **476.417.580.341**

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất

2.439,30

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

0,42



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối tháng 12/2023	221.145.924.718	8.008.161,29	27.615,06	
Kỳ 1 Tháng 1/2024	221.150.868.559	8.008.161,29	27.615,68	0,62
Kỳ 2 Tháng 1/2024	223.493.851.915	8.015.291,75	27.883,43	267,75
Kỳ 3 Tháng 1/2024	225.741.232.445	8.021.814,19	28.140,92	257,49
Kỳ 4 Tháng 1/2024	226.909.303.608	8.086.621,20	28.059,84	(81,08)
Kỳ 5 Tháng 1/2024	230.960.247.626	8.265.580,02	27.942,41	(117,43)
Kỳ 6 Tháng 1/2024	233.972.953.964	8.293.147,96	28.212,80	270,39
Kỳ 7 Tháng 1/2024	238.113.407.758	8.301.815,64	28.682,08	469,28
Kỳ 8 Tháng 1/2024	236.949.235.496	8.300.561,78	28.546,16	(135,92)
Kỳ 9 Tháng 1/2024	238.338.219.517	8.317.346,78	28.655,55	109,39
Kỳ Cuối Tháng 1/2024	237.987.307.338	8.334.197,02	28.555,51	(100,04)
Kỳ 1 Tháng 2/2024	243.102.381.427	8.353.631,79	29.101,40	545,89
Kỳ 2 Tháng 2/2024	246.392.997.380	8.390.103,76	29.367,09	265,69
Kỳ 3 Tháng 2/2024	248.472.677.215	8.399.046,93	29.583,43	216,34
Kỳ 4 Tháng 2/2024	252.532.703.666	8.498.461,87	29.715,10	131,67
Kỳ 5 Tháng 2/2024	254.778.997.381	8.582.067,18	29.687,36	(27,74)
Kỳ 6 Tháng 2/2024	260.438.295.191	8.652.365,01	30.100,24	412,88
Kỳ Cuối Tháng 2/2024	261.935.826.378	8.692.799,05	30.132,50	32,26
Kỳ 1 Tháng 3/2024	264.863.605.273	8.692.799,05	30.469,31	336,81
Kỳ 2 Tháng 3/2024	267.435.662.128	8.786.868,21	30.435,83	(33,48)
Kỳ 3 Tháng 3/2024	262.801.582.261	8.790.890,48	29.894,76	(541,07)
Kỳ 4 Tháng 3/2024	272.287.543.131	8.873.188,26	30.686,55	791,79
Kỳ 5 Tháng 3/2024	270.477.689.911	8.912.351,05	30.348,63	(337,92)
Kỳ 6 Tháng 3/2024	275.702.614.198	9.001.126,98	30.629,78	281,15
Kỳ 7 Tháng 3/2024	276.642.520.133	9.031.908,28	30.629,46	(0,32)
Kỳ 8 Tháng 3/2024	281.815.396.279	9.092.515,86	30.994,21	364,75
Kỳ Cuối Tháng 3/2024	283.204.382.503	9.117.935,83	31.060,14	65,93

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2024	283.281.728.685	9.117.935,83	31.068,62	8,48
Kỳ 2 Tháng 4/2024	284.722.364.470	9.257.939,31	30.754,39	(314,23)
Kỳ 3 Tháng 4/2024	281.336.270.165	9.313.044,83	30.208,83	(545,56)
Kỳ 4 Tháng 4/2024	285.486.100.188	9.382.690,45	30.426,89	218,06
Kỳ 5 Tháng 4/2024	279.677.658.743	9.399.970,86	29.753,03	(673,86)
Kỳ 6 Tháng 4/2024	277.057.943.791	9.427.731,50	29.387,55	(365,48)
Kỳ 7 Tháng 4/2024	282.198.945.183	9.443.016,20	29.884,40	496,85
Kỳ Cuối Tháng 4/2024	283.688.945.159	9.454.940,66	30.004,30	119,90
Kỳ 1 Tháng 5/2024	283.695.497.665	9.454.940,66	30.005,00	0,70
Kỳ 2 Tháng 5/2024	291.126.717.493	9.497.792,81	30.652,03	647,03
Kỳ 3 Tháng 5/2024	293.582.382.269	9.510.681,04	30.868,70	216,67
Kỳ 4 Tháng 5/2024	292.278.639.101	9.540.334,05	30.636,10	(232,60)
Kỳ 5 Tháng 5/2024	297.133.658.291	9.587.559,61	30.991,58	355,48
Kỳ 6 Tháng 5/2024	299.521.697.669	9.595.160,05	31.215,91	224,33
Kỳ 7 Tháng 5/2024	301.506.311.992	9.637.020,64	31.286,25	70,34
Kỳ 8 Tháng 5/2024	301.577.444.276	9.663.871,39	31.206,69	(79,56)
Kỳ 9 Tháng 5/2024	304.635.206.015	9.769.173,86	31.183,31	(23,38)
Kỳ Cuối Tháng 5/2024	304.006.982.002	9.773.880,94	31.104,01	(79,30)
Kỳ 1 Tháng 6/2024	308.007.353.864	9.773.880,94	31.513,31	409,30
Kỳ 2 Tháng 6/2024	308.514.746.979	9.777.696,04	31.552,90	39,59
Kỳ 3 Tháng 6/2024	311.777.315.391	9.787.306,23	31.855,27	302,37
Kỳ 4 Tháng 6/2024	318.112.596.005	9.874.443,68	32.215,74	360,47
Kỳ 5 Tháng 6/2024	315.579.015.184	9.922.732,59	31.803,64	(412,10)
Kỳ 6 Tháng 6/2024	319.942.149.280	9.985.186,23	32.041,68	238,04
Kỳ 7 Tháng 6/2024	315.027.017.469	9.967.972,60	31.603,92	(437,76)
Kỳ 8 Tháng 6/2024	317.754.150.810	10.049.675,30	31.618,34	14,42
Kỳ Cuối Tháng 6/2024	315.975.103.708	10.082.756,46	31.338,16	(280,18)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/1 đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/1 đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 7/2024	317.884.146.104	10.082.756,46	31.527,50	189,34
Kỳ 2 Tháng 7/2024	322.589.688.273	10.150.181,64	31.781,66	254,16
Kỳ 3 Tháng 7/2024	325.888.292.593	10.165.320,86	32.058,82	277,16
Kỳ 4 Tháng 7/2024	326.202.101.406	10.205.891,06	31.962,13	(96,69)
Kỳ 5 Tháng 7/2024	325.353.719.518	10.221.781,64	31.829,45	(132,68)
Kỳ 6 Tháng 7/2024	325.674.271.702	10.252.196,51	31.766,29	(63,16)
Kỳ 7 Tháng 7/2024	324.237.838.964	10.267.186,48	31.580,00	(186,29)
Kỳ 8 Tháng 7/2024	322.306.956.535	10.323.874,71	31.219,57	(360,43)
Kỳ 9 Tháng 7/2024	324.242.396.971	10.336.704,06	31.368,06	148,49
Kỳ Cuối Tháng 7/2024	325.761.894.340	10.365.799,31	31.426,60	58,54
Kỳ 1 Tháng 8/2024	315.870.982.807	10.416.010,32	30.325,52	(1.101,08)
Kỳ 2 Tháng 8/2024	321.401.279.090	10.447.352,10	30.763,89	438,37
Kỳ 3 Tháng 8/2024	326.914.977.612	10.469.673,09	31.224,94	461,05
Kỳ 4 Tháng 8/2024	327.566.138.329	10.506.824,09	31.176,51	(48,43)
Kỳ 5 Tháng 8/2024	335.400.078.398	10.533.161,51	31.842,29	665,78
Kỳ 6 Tháng 8/2024	339.684.347.006	10.563.997,30	32.154,90	312,61
Kỳ 7 Tháng 8/2024	338.892.971.548	10.558.973,34	32.095,25	(59,65)
Kỳ 8 Tháng 8/2024	337.981.743.438	10.522.084,07	32.121,17	25,92
Kỳ Cuối Tháng 8/2024	339.138.967.443	10.524.697,83	32.223,15	101,98
Kỳ 1 Tháng 9/2024	337.690.654.349	10.524.697,83	32.085,54	(137,61)
Kỳ 2 Tháng 9/2024	336.979.932.215	10.568.619,34	31.884,95	(200,59)
Kỳ 3 Tháng 9/2024	336.239.622.394	10.593.370,88	31.740,56	(144,39)
Kỳ 4 Tháng 9/2024	335.378.267.182	10.620.518,35	31.578,33	(162,23)
Kỳ 5 Tháng 9/2024	341.901.207.049	10.644.261,67	32.120,70	542,37
Kỳ 6 Tháng 9/2024	344.640.371.303	10.657.697,96	32.337,22	216,52
Kỳ 7 Tháng 9/2024	348.151.972.880	10.656.570,66	32.670,16	332,94
Kỳ Cuối Tháng 9/2024	347.340.729.964	10.664.152,23	32.570,87	(99,29)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/1 đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/1 đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 10/2024	345.768.688.667	10.616.815,77	32.568,02	(2,85)
Kỳ 2 Tháng 10/2024	343.488.348.822	10.635.392,76	32.296,72	(271,30)
Kỳ 3 Tháng 10/2024	346.747.877.478	10.681.809,61	32.461,52	164,80
Kỳ 4 Tháng 10/2024	349.262.493.874	10.714.404,98	32.597,46	135,94
Kỳ 5 Tháng 10/2024	349.507.396.923	10.743.387,85	32.532,32	(65,14)
Kỳ 6 Tháng 10/2024	349.897.017.249	10.755.532,92	32.531,81	(0,51)
Kỳ 7 Tháng 10/2024	349.463.623.191	10.771.541,30	32.443,23	(88,58)
Kỳ 8 Tháng 10/2024	348.525.735.242	10.808.039,44	32.246,89	(196,34)
Kỳ 9 Tháng 10/2024	351.261.918.748	10.852.758,69	32.366,14	119,25
Kỳ Cuối Tháng 10/2024	353.236.143.516	10.890.798,26	32.434,36	68,22
Kỳ 1 Tháng 11/2024	350.580.630.013	10.890.798,26	32.190,53	(243,83)
Kỳ 2 Tháng 11/2024	355.294.840.771	10.928.163,67	32.511,85	321,32
Kỳ 3 Tháng 11/2024	355.461.724.981	10.949.593,25	32.463,46	(48,39)
Kỳ 4 Tháng 11/2024	356.352.638.928	10.996.587,04	32.405,74	(57,72)
Kỳ 5 Tháng 11/2024	350.698.545.891	11.007.948,82	31.858,66	(547,08)
Kỳ 6 Tháng 11/2024	350.671.720.352	11.016.613,16	31.831,17	(27,49)
Kỳ 7 Tháng 11/2024	355.006.089.862	11.028.544,46	32.189,75	358,58
Kỳ 8 Tháng 11/2024	358.312.581.971	11.077.561,35	32.345,79	156,04
Kỳ Cuối Tháng 11/2024	362.780.104.826	11.123.356,55	32.614,26	268,47

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/1 đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/1 đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 12/2024	362.352.108.584	11.123.356.55	32.575,78	(38,48)
Kỳ 2 Tháng 12/2024	362.212.099.737	11.164.685,47	32.442,66	(133,12)
Kỳ 3 Tháng 12/2024	368.917.729.817	11.191.249,31	32.964,83	522,17
Kỳ 4 Tháng 12/2024	371.700.570.642	11.288.735,81	32.926,67	(38,16)
Kỳ 5 Tháng 12/2024	373.761.450.712	11.356.785,90	32.910,84	(15,83)
Kỳ 6 Tháng 12/2024	373.402.887.974	11.354.382,56	32.886,23	(24,61)
Kỳ 7 Tháng 12/2024	374.813.589.335	11.398.186,30	32.883,61	(2,62)
Kỳ 8 Tháng 12/2024	379.192.362.521	11.421.323,53	33.200,38	316,77
Kỳ 9 Tháng 12/2024	380.533.586.018	11.446.543,21	33.244,41	44,03
Kỳ Cuối Tháng 12/2024	381.218.797.821	11.480.672,49	33.205,26	(39,15)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm **310.093.852.605**

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

(1.101,08)

(0,32)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<u>Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)</u>	<u>Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)</u>
Đến một năm	16.570.949,98	11.480.672,49

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	<u>Năm nay (%)</u>	<u>Năm trước (%)</u>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,84	1,96
Tốc độ vòng quay danh mục	27,05	19,83

21.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí phát hành, chi phí mua lại chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

21.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

22. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

22.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới giá trái phiếu.

Ảnh hưởng: Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu có lãi suất cố định giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất tăng còn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức phát hành, đặc biệt các tổ chức sử dụng đòn bẩy cao. Theo đó, mức rủi ro của tổ chức phát hành có thể tăng lên và đẩy lợi tức trái phiếu do doanh nghiệp đó phát hành tăng theo, làm suy giảm giá trái phiếu của doanh nghiệp đó.

Phương pháp quản trị rủi ro: Quỹ giảm thiểu rủi ro lãi suất bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với các kỳ vọng về lãi suất. Cụ thể là Quỹ sẽ nắm giữ trái phiếu có lãi suất cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lãi suất thả nổi hơn khi lãi suất được dự báo tăng và ngược lại khi lãi suất được dự báo giảm. Đòn bẩy của các công ty Quỹ đầu tư vào và ảnh hưởng tiềm tàng của rủi ro lãi suất đến các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được theo dõi thường xuyên.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Quỹ là 446.234.900.050 VNĐ. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 44.623.490.005 VNĐ, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 44.623.490.005 VNĐ.

2-C
Y
JUN
AM
CHI

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

22.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	91.402.282.864	91.402.282.864	60.186.025.243	60.186.025.243
Các khoản đầu tư thuần	546.717.847.375	546.717.847.375	320.936.715.724	320.936.715.724
- Cổ phiếu niêm yết	373.192.200.650	373.192.200.650	236.969.263.000	236.969.263.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	113.518.562.330	113.518.562.330	83.967.452.724	83.967.452.724
- Chứng chỉ tiền gửi	60.007.084.395	60.007.084.395	-	-
Các khoản phải thu	3.307.864.845	3.307.864.845	3.104.394.661	3.104.394.661
	641.427.995.084	641.427.995.084	384.227.135.628	384.227.135.628
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	896.403.210	896.403.210	-	-
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	306.327.562	306.327.562	185.329.258	185.329.258
Chi phí phải trả	101.520.000	101.520.000	27.000.000	27.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ	1.398.948.968	1.398.948.968	1.260.859.118	1.260.859.118
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	545.305.602	545.305.602	957.939.716	957.939.716
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	880.755.673	880.755.673	555.188.252	555.188.252
	4.129.261.015	4.129.261.015	2.986.316.344	2.986.316.344

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ và phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tiền và tương đương tiền, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Giá dịch vụ quản lý quỹ	<u>7.147.487.477</u>	<u>4.652.324.563</u>

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Phải trả phí về mua lại chứng chỉ quỹ	306.327.562	185.329.258
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	<u>787.562.588</u>	<u>474.228.252</u>
	<u>1.093.890.150</u>	<u>659.557.510</u>

b) Thủ lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ	<u>27.000.000</u>	<u>27.000.000</u>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng đơn vị quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ năm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ năm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	15,09	2.500.000,00	21,78
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.334.027,88	8,05	1.334.027,88	11,62
Bên liên quan khác		102.615,25	0,61	99.009,29	0,86
		3.936.643,13	23,76	3.933.037,17	34,26



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát:

(i) Giá dịch vụ giám sát

Trường hợp Quý giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (Mười sáu triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quý giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, giá Dịch Vụ Ngân hàng Giám sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 18.000.000 VNĐ (Mười tám triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (Mười sáu triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quý bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá Dịch Vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

(ii) Giá dịch vụ lưu ký

Trường hợp Quý giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (Mười một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quý giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, giá dịch vụ lưu ký là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV dưới 1.000 tỷ đồng/năm và 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm áp dụng cho NAV từ 1.000 tỷ đồng/năm trở lên, với mức tối thiểu là 12.000.000 VNĐ (Mười hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (Mười một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quý bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ:

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (Ba mươi một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất hàng ngày từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 42.000.000 VNĐ (Bốn mươi hai triệu đồng) một tháng. Mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (Ba mươi một triệu đồng) một tháng được áp dụng cho ba tháng đầu tiên được tính từ khi Quỹ bắt đầu áp dụng tần suất giao dịch hàng ngày. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 VNĐ (Ba mươi sáu triệu đồng) một năm, tương đương với 3.000.000 VNĐ (Ba triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá dịch vụ quản trị quỹ	448.800.000	448.800.000
Giá dịch vụ giám sát	226.613.611	211.200.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	149.393.397	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	39.842.000	25.300.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	41.099.282	17.355.854
Phí ngân hàng	6.716.403	3.874.028

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền gửi thanh toán	56.513.704.884	41.030.724.838
Phải trả dịch vụ giám sát	23.101.835	17.600.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.751.250	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	3.740.000	3.960.000



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, Quý không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Quý.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:
Bà Nguyễn Mai Hoa
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và
Danh mục

Người duyệt:
Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng



Người duyệt:
Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc



